

Bản án số: **25/2021/DS-ST**
Ngày: 28-9-2021
V/v “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THANH KHÊ, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Vũ

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Thuận

Bà Lê Thị Nhór

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Phan Khánh Vi – Thư ký Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

Ngày 28 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 178/2020/TLST-DS ngày 04 tháng 12 năm 2020, về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 178/2021/QĐXXST-DS ngày 03-6-2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* **Ngân hàng TMCP S.** Địa chỉ trụ sở: Số 266-268 đường N, phường T2, quận B, thành phố Hồ Chí Minh. Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D – Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Hữu T1, sinh năm 1983; Địa chỉ: Số 130A-130-132 đường Đ, quận C, thành phố Đà Nẵng. (*theo Giấy ủy quyền số 3903/2019/GUQ-PL ngày 16-12-2019 và Giấy ủy quyền số 12.11/2020/GUQ-CNĐN ngày 12-11-2020*). (Có mặt)

2. *Bị đơn:* Bà **Hồ Thị T**, sinh năm 1968; Địa chỉ: K196/20 đường V, phường T3, quận K, thành phố Đà Nẵng. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 18-11-2020, lời khai tại các bản tự khai và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Hữu T1 trình bày:

Ngày 12-02-2018, bà Hồ Thị T có ký kết vay của Ngân hàng TMCP S (sau đây gọi là Ngân hàng S) theo Hợp đồng tín dụng vốn lãi chia đều (không áp dụng

cho các phương thức hạn mức) số: LD 1804300498, số tiền vay: 120.000.000đồng; Mục đích vay: Tiêu dùng; Thời hạn vay: 60 tháng; Lãi suất trong hạn: 8%/năm; Lãi suất quá hạn: 150% lãi suất trong hạn. Thực hiện hợp đồng, Ngân hàng S đã thực hiện giải ngân cho bà T số tiền 120.000.000đồng theo Giấy nhận nợ (áp dụng cho vay không hạn mức) số 01 ngày 12-02-2018.

Trong thời gian thực hiện hợp đồng, bà T chỉ thực hiện nghĩa vụ trả một phần, từ ngày 15-02-2020, bà T phát sinh nợ quá hạn tại Ngân hàng S. Tính đến ngày 28-9-2021, dư nợ của bà T tại Ngân hàng S là 89.663.490đ (*Tám mươi chín triệu sáu trăm sáu mươi ba nghìn bốn trăm chín mươi đồng*); trong đó tiền gốc là 69.000.000đồng, lãi trong hạn là 19.391.379đồng và lãi quá hạn là 1.272.111đồng. Do bà Hồ Thị T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng tín dụng nên yêu cầu Tòa án xử buộc bà Hồ Thị T phải có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng TMCP S toàn bộ khoản nợ trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] **Về thủ tục tố tụng:** Ngày 18-11-2020, Ngân hàng TMCP S khởi kiện vụ án Dân sự về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” đối với bà Hồ Thị T; Địa chỉ: K196/20 đường V, phường T3, quận K, thành phố Đà Nẵng, ngày 04-12-2020 Tòa án nhân dân quận Thanh Khê đã thụ lý giải quyết vụ án là đúng theo trình tự tố tụng và thẩm quyền giải quyết vụ án được quy định tại Điều 191, Điều 195, Điều 26, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, bị đơn đã được Tòa án hợp lệ lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt đương sự theo quy định pháp luật.

[2] **Xét về nội dung:** Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng TMCP S (sau đây gọi là Ngân hàng S) cho rằng, bà Hồ Thị T có ký kết Hợp đồng tín dụng vốn lãi chia đều (không áp dụng cho các phương thức hạn mức) số: LD 1804300498 ngày 12-02-2018. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền gốc và lãi theo Hợp đồng, tính đến ngày 28-9-2021, bị đơn còn nợ Ngân hàng S với tổng số tiền là 89.663.490đồng; trong đó tiền gốc là 69.000.000đồng, lãi trong hạn là 19.391.379đồng và lãi quá hạn là 1.272.111đồng nên yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn phải có nghĩa vụ thanh toán khoản nợ trên. Theo các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, quá trình tranh tụng tại phiên tòa thể hiện: Theo thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng ngày 12-02-2018, Ngân hàng S đồng ý cho bà T vay với số tiền là 120.000.000đồng; thời hạn vay là 60 tháng, lãi suất vay là 8%/năm; Mục đích vay là để tiêu dùng. Thực hiện

hợp đồng, Ngân hàng S đã giải ngân cho bà T số tiền là 120.000.000đồng theo Giấy nhận nợ (áp dụng cho vay không hạn mức) số 01 ngày 12-02-2018.

[3] Xét thấy, trong quá trình thực hiện Hợp đồng, bà T đã thanh toán cho Ngân hàng S được 51.000.000đồng tiền nợ gốc, còn lại 69.000.000đồng nợ gốc chưa thanh toán. Mặc dù tính đến thời điểm hôm nay khoản vay trên chưa hết thời hạn, tuy nhiên trong quá trình thực hiện hợp đồng, kể từ ngày 15-02-2021 đến nay bà T không trả được nợ gốc và lãi theo định kỳ cho Ngân hàng S là vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng. Tính đến ngày 28-9-2021, bà T còn nợ Ngân hàng S với tổng số tiền là 89.663.490đồng, nợ gốc là 69.000.000đồng, lãi trong hạn là 19.391.379đồng, lãi quá hạn là 1.272.111đồng (*tính từ ngày 15-02-2020 đến ngày 28-9-2021*), do đó Ngân hàng S đã chấm dứt hợp đồng trước hạn để thu hồi nợ là có căn cứ, phù hợp với Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng. Từ những phân tích và căn cứ trên, Hội đồng xét xử xét thấy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng S yêu cầu bị đơn bà T có nghĩa vụ thanh toán tổng số tiền gốc và lãi của Hợp đồng tín dụng vốn lãi chia đều (không áp dụng cho các phương thức hạn mức) số: LD 1804300498 với tổng số tiền là 89.663.490đồng, (trong đó nợ gốc là 69.000.000đồng, lãi trong hạn là 19.391.379đồng, lãi quá hạn là 1.272.111đồng, lãi tính đến ngày 28-9-2021) là có căn cứ, phù hợp với Điều 463, Điều 466 và khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự và Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] **Về án phí:** Do chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Nghị quyết số: 326/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 về việc "Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, sử dụng án phí lệ phí Tòa án" của Ủy ban thường vụ Quốc Hội là $89.663.490 \times 5\% = 4.483.175$ đồng. Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP S số tiền tạm ứng án phí 1.945.631đồng đã nộp theo biên lai thu số: 0002454 ngày 04-12-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 463, Điều 466 và khoản 1 Điều 468 và Điều 299 của Bộ luật dân sự; Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 26 của Nghị quyết số: 326/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 về việc "Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, sử dụng án phí lệ phí Tòa án" của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1/ Xử: Buộc bà Hồ Thị T phải trả cho Ngân hàng TMCP S tổng số tiền là 89.663.490đ (*Tám mươi chín triệu, sáu trăm sáu mươi ba nghìn, bốn trăm chín*

mười ba đồng), (trong đó nợ gốc là 69.000.000đồng, lãi trong hạn là 19.391.379đồng, lãi quá hạn là 1.272.111đồng).

Kể từ ngày 29-9-2021 khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thì thanh toán xong khoản nợ này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi của Ngân hàng cho vay.

2/ Về án phí: Xử: Buộc bà Hồ Thị T phải chịu 4.483.175đ (*Bốn triệu, bốn trăm tám mươi ba nghìn, một trăm bảy mươi lăm đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP S số tiền tạm ứng án phí 1.945.631đ (*Một triệu chín trăm bốn mươi lăm nghìn sáu trăm ba mươi một đồng*) đã nộp theo biên lai thu số: 0002454 ngày 04-12-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

3/ Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

4/ Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các bên đương sự;
- VKSND quận Thanh Khê;
- Chi cục THADS quận Thanh Khê;
- Lưu Hồ sơ

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

NGUYỄN HOÀNG VŨ